

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/DS-ST
Ngày: 11/6/2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Châu Sal – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2021/QĐXX-DS ngày 74 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 292/2021/QĐST-DS ngày 18/5/2021 và thông báo thời gian mới lại mở phiên tòa số 550/2021 ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1978 (có mặt)

Đồng bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà L trình bày: Vào ngày 15/4/2020, bà có cho bà B, ông D vay 250.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có giấy biên nhận nợ do bà B ký. Do vợ chồng bà B, ông D làm ăn uy tín nên giấy biên nhận chỉ có bà B ký tên, không có ông D ký tên. Bà B hứa khi nào giải ngân được sẽ trả vốn và lãi cho bà. Khoảng 10 ngày sau, bà B nói kẹt vốn làm ăn nên để tiền xoay sở và hẹn bà khi nào bà cần thì cho bà B hay trước 01 tháng thì bà B sẽ trả đủ. Sau khi vay, bà B mỗi tháng đóng lãi 7.500.000 đồng, bà B chỉ trả lãi đến ngày 17/12/2020 được 08 tháng số tiền 60.000.000 đồng, tuy nhiên tiền lãi bà B chỉ trả 55.900.000 đồng, còn nợ 4.100.000 đồng thì ngưng đóng lãi. Ngoài ra, bà B còn tham gia chơi hội do bà làm chủ, bà B còn nợ bà tiền hội 75.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu bà B, ông D trả ngay tiền avy 250.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Đối với tiền hội, bà xin rút lại, không yêu cầu.

Đồng bị đơn là bà B, ông D không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về cách giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà B, ông D vắng mặt, không tham gia hoà giải.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú tại địa phương thể hiện bà B, ông D vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, do bà B, ông D đi làm thuê, thường xuyên tới lui thăm nhà.

Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa vào ngày 18/5/2021 với lý do thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn là ghi nhận ý kiến của người làm chứng ông Nguyễn Văn S.

Căn cứ vào biên bản ghi lời khai ngày 19/5/2021, ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông ở đối diện nhà bà L, cặp vách nhà với vợ chồng ông D, bà B. Ông là người cùng xóm với bà L, ông D, bà B, không có quan hệ gì với những người này. Khoảng 15 giờ ngày 03/5/2021, ông đang ở nhà thì bà L kêu ông qua nhà bà L chứng kiến cuộc nói chuyện giữa bà L và ông D (chồng bà B), khi đó ông bước qua nhà, sau một lúc nói chuyện thì bà L đưa cho ông D xem giấy biên nhận tiền. Sau khi ông D xem xong nội dung biên nhận thì ông D nói với bà L: “khi vợ tôi mượn tiền của chị L thì tôi không hay, để tôi tìm cách đòi nợ của người khác rồi trả cho chị L số tiền 250.000.000 đồng”, thời gian trả như thế nào thì ông D không nói.

Tại phiên tòa:

Bà L rút lại yêu cầu đối với ông D, chỉ yêu cầu bà B trả 250.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất, không yêu cầu bà B trả tiền hội.

Bà Ba ông D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là hoàn toàn đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa và thủ tục xét xử vắng mặt được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu của bà L thể hiện đây là hợp đồng vay theo Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà B, ông D có nơi cư trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà B, ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông D theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 15/4/2020, bà B có vay của bà L số tiền 250.000.000 đồng, có giấy biên nhận tiền do bà B ký tên, mục đích vay đáo hạn ngân hàng, ngoài ra bà B còn tham gia dây hụi do bà L làm chủ và bà B còn nợ bà L tiền hụi 250.000.000 đồng.

[4] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L rút lại yêu cầu đối với tiền hụi, không yêu cầu ông D trả tiền mà chỉ yêu cầu bà B trả tiền vay 250.000.000 đồng, và rút lại yêu cầu tiền hụi. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L.

[5] Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà B về việc có vay tiền như nội dung bà L trình bày. Tuy nhiên căn cứ vào giấy biên nhận tiền, biên bản lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn S thì ông D có hứa với bà L sẽ trả tiền cho bà B.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, hoà giải cho bà B nhưng bà B không đến tham gia hoà giải và cũng không có văn bản hay ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà L, ngoài ra theo Quyết định cung cấp chứng cứ của Tòa án thì bà B cũng không có phản hồi. Kết quả xác minh tình trạng cư trú của bà B, ông D thể hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú, thường tới lui thăm nhà chứ không phải bỏ đi nơi khác.

Bà B không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải nhằm tìm giải pháp thoả đáng để thanh toán khoản nợ còn thiếu, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tại phiên toà, bà B vắng mặt không có lý do nên xem như bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, do bà B không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình nên Tòa án xét xử theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do Toà án thu thập được.

Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 469 Bộ luật dân sự, do vậy buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 250.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất do bà L không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra đối với tiền lãi mà bà B đã đóng cho bà L số tiền 55.900.000 đồng, do bà B không có yêu cầu khấu trừ nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ. Bà B phải chịu án phí. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà L ông H đã nộp. Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 466 và 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với tiền hụi 75.000.000 đồng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà Trần Thị B trả tiền lãi suất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị số tiền 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Hoàn lại 8.220.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị L đóng theo biên lai thu số 0006863 ngày 29/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Bà Trần Thị B chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc